HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ MÔNG CỔ
VỀ HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Mông Cổ (dưới đây gọi tắt là "các Bên ký kết");

Nhằm củng cố, tăng cường và phát triển quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Mông Cổ;

Dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc của nhau, bình đẳng cùng có lợi, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế;

Với mong muốn thúc đẩy hợp tác và nâng cao hiệu quả vận tải đường sắt;

Đã cùng nhau thoả thuận như sau:

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

Trong Hiệp định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền:
   - Phía Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Giao thông Vận tải hoặc Cơ quan được Bộ Giao thông Vận tải uỷ quyền;
   - Phía Mông Cổ là Bộ Cơ sở hạ tầng hoặc Cơ quan được Bộ Cơ sở hạ tầng uỷ quyền.
2. Nước thứ ba là nước khác ngoài Việt Nam và Mông Cổ.
3. Hành khách là người đi tàu liên vận quốc tế có vé do đường sắt của một Bên ký kết phát hành để đi đến lãnh thổ của Bên ký kết kia hoặc quá cảnh qua lãnh thổ của Bên ký kết kia sang nước thứ ba.
4. Hàng hoá là vật phẩm nói chung gồm cả hành lý và bao gửi của hành khách được gửi đi bằng đường sắt từ lãnh thổ một Bên ký kết đến lãnh thổ Bên ký kết kia hoặc quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia sang nước thứ ba.

Điều 2: Phạm vi áp dụng

Hiệp định này được áp dụng cho việc vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường sắt giữa hai Bên ký kết hoặc từ Bên ký kết này quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia đến nước thứ ba và làm cơ sở cho các hợp tác khác giữa hai Bên ký kết trong lĩnh vực đường sắt.

Điều 3: Áp dụng các Điều ước

Vận tải bằng đường sắt giữa hai Bên ký kết và quá cảnh qua lãnh thổ một Bên ký kết đến nước thứ ba được tiến hành tuân thủ theo các điều khoản của Hiệp định này và các Hiệp định của Tổ chức hợp tác đường sắt (OSZD) mà hai Bên ký kết đã tham gia, các Điều ước quốc tế và/hoặc các Hiệp định có liên quan khác đã được ký giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Mông Cổ.

Điều 4: Cơ quan thực hiện

Vận tải hành khách và hàng hoá bằng đường sắt giữa hai Bên ký kết và quá cảnh qua lãnh thổ của một Bên ký kết đến nước thứ ba do Cơ quan có thẩm quyền tương ứng được Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam và Bộ Cơ sở hạ tầng Mông Cổ uỷ quyền thực hiện.

Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết thoả thuận cụ thể về hình thức vận tải, cách thức giao nhận, chuyển tải, xếp dỡ và lưu kho bãi, phí, lệ phí và phương thức thanh toán.

Điều 5: Giá cước

Giá cước và quy tắc tính toán chi phí chuyên chở liên vận giữa hai Bên ký kết hoặc quá cảnh qua lãnh thổ một Bên ký kết đến nước thứ ba được xác định trên cơ sở các hiệp định về giá cước mà hai Bên ký kết là thành viên tham gia và các thoả thuận riêng giữa hai Bên ký kết.

Hai Bên ký kết thực hiện chính sách giá cước cùng có lợi để thu hút luồng hành khách, hàng hoá trên lãnh thổ hai nước.

Hai Bên ký kết dành cho nhau ưu đãi về giá cước quá cảnh và giao cho Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết bàn bạc cụ thể. Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết cùng phối hợp trong việc soạn thảo chính

sách giá cước và đưa ra các thoả thuận thích hợp trong những trường hợp cần thiết.

Điều 6: Kiểm dịch y tế biên giới

Các quy định trong Hiệp định này sẽ không hạn chế nghĩa vụ của một Bên ký kết, khi đến và quá cảnh qua lãnh thổ của Bên ký kết kia, trong việc thừa nhận các biện pháp có liên quan tới việc bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc các biện pháp nhằm ngăn ngừa dịch bệnh theo quy định của pháp luật của Bên ký kết kia.

Điều 7: Áp dụng các thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh

Các luật và quy định trong việc nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh đối với hành khách và hàng hoá, cũng như các thủ tục hải quan và các biện pháp đảm bảo an ninh của một Bên ký kết sẽ được áp dụng đối với hành khách và hàng hoá của Bên ký kết kia.

Hai Bên ký kết thống nhất giao cho các cơ quan chức năng của nước mình (Công an, Hải quan, Biên phòng, Thuế vụ, Y tế, Kiểm dịch...) phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc xuất cảnh, nhập cảnh, đặc biệt là quá cảnh, tại các ga cửa khẩu biên giới của mỗi Bên ký kết.

Điều 8: Phí và lệ phí liên quan đến hành khách và hàng hoá quá cảnh

Việc thu phí và lệ phí liên quan đến hành khách và hàng hoá quá cảnh được thực hiện theo quy định của hai Bên ký kết.

Điều 9: Thanh toán chi phí chuyên chở

Thanh toán chi phí chuyên chở liên vận giữa hai Bên ký kết hoặc quá cảnh qua lãnh thổ của một Bên ký kết đến nước thứ ba được Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết thực hiện bằng đồng tiền được nêu trong các Hiệp định mà hai Bên ký kết cùng tham gia hoặc bằng đồng tiền tự do chuyển đổi được Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết thoả thuận.

Điều 10: Hỗ trợ

Hai Bên ký kết sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết trên cơ sở cùng có lợi nhằm giúp đỡ nhau tăng cường vận chuyển hành khách và hàng hoá giữa hai Bên ký kết hoặc đến một nước thứ ba.

Điều 11: Trao đổi thông tin

Hai Bên ký kết nhất trí giao cho Cơ quan có thẩm quyền trao đổi thông tin liên quan đến khối lượng hành khách và hàng hoá chuyên chở, hướng tuyến, chủng loại, giá cước cũng như các thông tin liên quan khác trong lĩnh vực đường sắt theo định kỳ ba tháng một lần.

Điều 12: Phát triển du lịch bằng đường sắt và mở văn phòng đại diện

Hai Bên ký kết cam kết hỗ trợ và phát triển du lịch bằng đường sắt, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam và Mông Cổ và công dân nước thứ ba đi du lịch hai nước.

Cơ quan được Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam và Bộ Cơ sở Hạ tầng Mông Cổ uỷ quyền được phép đặt Văn phòng đại diện và/hoặc đại lý vận tải trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Việc thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện, đại lý vận tải phải tuân theo thủ tục và các quy định pháp luật của Bên ký kết mà văn phòng đại diện và/hoặc đại lý vận tải đó lập trụ sở.

Điều 13: Hợp tác phát triển đường sắt và hợp tác đào tạo

Nhằm tăng cường trao đổi hợp tác, hai Bên ký kết nhất trí giao cho Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết nghiên cứu và thảo luận với nhau về chương trình hợp tác phát triển đường sắt và hợp tác đào tạo trong lĩnh vực đường sắt.

Điều 14: Đánh giá thực hiện hiệp định

Để đánh giá việc thực hiện Hiệp định này, hai Bên ký kết thống nhất giao cho Cơ quan có thẩm quyền tiến hành đàm phán ít nhất hai năm một lần.

Trong trường hợp cần thiết, hai Bên ký kết sẽ thành lập nhóm đánh giá thực hiện Hiệp định để xem xét đề nghị của mỗi Bên ký kết về:

- Việc thực hiện Hiệp định này;
- Hợp tác và đào tạo trong ngành đường sắt;
- Những vấn đề khác có liên quan đến việc phát triển đường sắt giữa hai Bên ký kết.

Điều 15: Không hạn chế

Các quy định trong Hiệp định này không hạn chế quyền và nghĩa vụ của các Bên ký kết phát sinh từ các Điều ước quốc tế mà mỗi Bên ký kết là thành viên.

Điều 16: Giải quyết tranh chấp

Nếu có tranh chấp xảy ra giữa hai Bên ký kết liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này, thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các Cơ quan có thẩm quyền hoặc thông qua con đường ngoại giao.

Điều 17: Bổ sung, sửa đổi Hiệp định

Trong trường hợp cần thiết, Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung bằng văn bản thông qua con đường ngoại giao theo thoả thuận của hai Bên ký kết. Những sửa đổi và bổ sung này có hiệu lực từ ngày Bên đề nghị bổ sung, sửa đổi nhận được thông báo cuối cùng của Bên ký kết kia về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc này.

Điều 18: Hiệu lực và giá trị

Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ghi trong công hàm cuối cùng thông báo về việc hai Bên ký kết đã hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước để Hiệp định có hiệu lực".

Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định sẽ không ảnh hưởng đến thực hiện các nghĩa vụ của mỗi Bên ký kết trong các thoả thuận hoặc hợp đồng đã ký trong thời gian Hiệp định có hiệu lực.

Hiệp định này có giá trị không thời hạn và chỉ chấm dứt hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia bằng văn bản về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Làm tại Ulan Bator ngày 25 tháng 5 năm 2004 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Mông Cổ và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau giữa các văn bản, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
MÔNG CỔ

Hiệp định này có giá trị không thời hạn và chỉ chấm dứt hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia bằng văn bản về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Làm tại Ulan Bator ngày 25 tháng 5 năm 2004 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Mông Cổ và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau giữa các văn bản, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
MÔNG CỔ

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE GOVERNMENT OF MONGOLIA
ON
RAILWAY COOPERATION

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of Mongolia (hereinafter referred to as the "Contracting Parties"),

With a view to strengthening and developing the friendly relationship between Viet Nam and Mongolia,

Based on the equality and mutual benefit principles and with due respects to international laws and regulations,

Desiring to promote the cooperation and enhance the efficiency of railway transport,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
Definitions

For the purposes of this Agreement, the terms

1. "Competent Authorities" means:
   - For the Socialist Republic of Viet Nam, the Ministry of Transport or any agency authorized by the said Ministry;
   - For Mongolia, the Ministry of Infrastructure or any agency authorized by the said Ministry.

2. "Third country" means a country other than Viet Nam and Mongolia.

3. "Passenger" means a person, who has a ticket issued by one Contracting Party, travels by international cross-border train to the territory of the other Contracting Party or transits the territory of either Contracting Party to a third country.

4. "Goods" means any general commodities, including passenger's luggage and parcels transported by railways from the territory of one Contracting Party to the territory of the other Contracting Party or transiting the territory of either Contracting Party to a third country.

ARTICLE 2
Scope of application

This Agreement is applied to the transport of passengers and goods by railways between both Contracting Parties or in transit across either Contracting Party to a third country. This Agreement lays foundation for other cooperation between both Contracting Parties in the field of railways.

ARTICLE 3
Application of other Agreements

Transport by railways between both Contracting Parties or in transit across either Contracting Party to a third country will be subject to the provisions of this Agreement and provisions of all Agreements of Organization of Railway Cooperation (OSZD) and other international treaties which both Contracting Parties have acceded to and/or relevant agreements signed between both Contracting Parties.

ARTICLE 4
Implementing Agency

Transport of passengers and goods by railways between both Contracting Parties and in transit across either Contracting Party to a third country shall be carried out by the agencies respectively authorised by the Ministry of Transport of Viet Nam and the Ministry of Infrastructure of Mongolia.

The competent authorities of both Contracting Parties shall conduct detailed discussion on transport methods, procedure of delivery of goods, transshipment, loading/unloading, storage, charges and fees, and terms of payment.

ARTICLE 5
Transport tariffs

Transport tariffs and rules for calculation of charges applied to transport by railways between both Contracting Parties or in transit across either Contracting Party to a third country, are determined based on the Agreements related to transport tariffs that both Contracting Parties have acceded to and other specific agreements signed between Viet Nam and Mongolia.

Both Contracting Parties shall implement mutual benefit policies on transport tariffs in order to increase volume of passengers and goods transported by railways between the two countries.

Both Contracting Parties shall grant favorable treatments relating to transit transport tariffs and designate their respective agencies to discuss in great details on this matter. Competent authorities of both Contracting Parties shall cooperate to formulate a common policy on transport tariffs and make appropriate arrangements if necessary.

ARTICLE 6
Border medical quarantine

The provisions of this Agreement shall, in no cases restrict the rights of either Contracting Party in applying necessary measures to ensure environment hygiene or prevention of epidemic diseases in accordance with the prevailing laws and regulations of the other Contracting Party.

ARTICLE 7
Application of Formalities on Entry, Exit and in Transit

Laws and regulations on entry, exit and in transit as well as customs formalities and security measures of either Contracting Party shall be applied to passengers and goods of the other Contracting Party.

Both Contracting Parties shall assign their respective authorities such as Police, Customs, Border Guard, Taxation, Health and Medical Quarantine, to co-operate in order to facilitate the entry/exit formalities and transit procedures at railway border stations of both Contracting Parties.

ARTICLE 8
Charges and fees relating to passengers and goods in transit

The collection of charges and fees relating to passengers and goods in transit is subject to the laws and regulations of both Contracting Parties.

ARTICLE 9
Payment of transport charges

Payment of charges for transport of passengers and goods by railways between both Contracting Parties or in transit across either Contracting Party to a third country shall be made in the currency stipulated in the Agreement of which both Contracting Parties have acceded to or in a freely converted foreign currency agreed upon by the competent authorities of both Contracting Parties.

ARTICLE 10
Support

Both Contracting Parties shall conduct necessary measures based on the mutual benefit principle to enhance volume of transport of passengers and goods between two Contracting Parties or in transit across either Contracting Party to a third country.

ARTICLE 11
Information exchange

Both Contracting Parties shall designate their competent authorities to exchange information every 03 months relating to the transport volume of passengers and goods, types of goods, transport charges as well as other relevant information in the field of railways transport.

ARTICLE 12
Promotion of tourism by railways and establishment of representative offices

Both Contracting Parties shall support and promote tourism by railways, and grant favourable conditions for citizens of Viet Nam and Mongolia and tourists from a third country to travel by railway to either Contracting Party.

Agencies respectively authorised by the Ministry of Transport of Viet Nam and the Ministry of Infrastructure of Mongolia are entitled to establish their representative offices and/or transport agents in the territory of the other Contracting Party. The establishment and operation of the representative offices and/or transport agents are subject to the laws and regulations of the Contracting Party where the representative offices and/or transport agents are located.

ARTICLE 13
Railway development and training co-operation

In order to strengthen co-operation, both Contracting Parties shall designate their respective agencies to conduct studies and to discuss the co-operation programmes in the field of railway development and training.

ARTICLE 14
Evaluation of Agreement's Implementation

For the purpose of evaluating the implementation of this Agreement, both Contracting Parties shall designate their respective agencies to meet at least once in every two years.

If necessary, both Contracting Parties shall form their respective working groups/teams for reviewing the implementation of this Agreement in order to deal with proposals to be made by either Contracting Party on the following topics:

- implementation of this Agreement;
- co-operation and training in the field of railway; and
- other issues relating to railway development between the two Contracting Parties.

ARTICLE 15
Other Rights and Obligation

All provisions of the present Agreement shall not affect the rights and obligations of either Contracting Party arising out of international conventions that either Contracting Party has adhered to.

ARTICLE 16
Settlement of dispute

Any dispute between two Contracting Parties arising from the interpretation or the implementation of this Agreement shall be settled amicably by the competent authorities of both Contracting Parties or through diplomatic channel.

ARTICLE 17
Amendments to the Agreement

This Agreement may be amended at any time in writing by acceptance of both Contracting Parties through diplomatic channel. These amendments shall enter into force on the date when the Contracting Party, who initiates amendments, receives the final notice from the other Contracting Party informing the completion of necessary legal procedure for entry into force of these amendments.

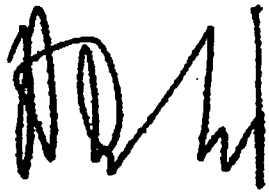
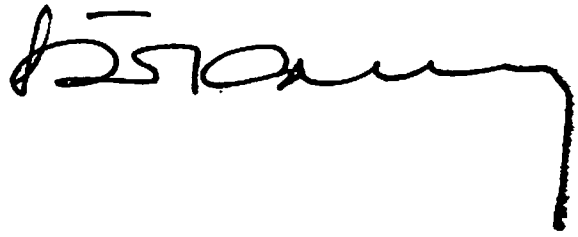
ARTICLE 18
Entry into force and validity

This Agreement shall enter into force after 30 days since the date stipulated in the latter notification from Contracting Parties confirming the completion of the internal legal procedures for entry into force of this Agreement.

This Agreement shall remain valid until such time when it is terminated by either Contracting Party by giving the other Contracting Party six (6) months notice in writing of its intention to do so, and such termination shall take effect upon the expiry of such notice.

Termination of this Agreement shall not affect the performance of the contracts signed between both Contracting Parties prior to the expiry of this Agreement.

This Agreement is done at Ulan Bator, on 25 May 2004 in duplicate in Vietnamese, Mongolian and English languages, all texts being equally authentic. In case of discrepancy in interpretation, the English text will prevail.

FOR AND ON BEHALF OF THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	FOR AND ON BEHALF OF THE GOVERNMENT OF MONGOLIA
	

BỘ NGOẠI GIAO

Số : 115 /2004 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2004

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng



Nguyễn Hoàng Anh

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo),
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo),
- Bộ Giao thông – Vận tải,
- Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng),
- Bộ Công an,
- Bộ Y tế,
- Đại sứ quán Việt Nam tại Mông Cổ,
- Vụ Châu Á 1, Bộ Ngoại giao,
- Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao,
- Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao,
- Lưu trữ, Bộ Ngoại giao.

Hiệp định riêng giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Mông Cổ về hợp tác trong lĩnh vực đường sắt có hiệu lực từ ngày 08 tháng 10 năm 2004.